

Bản án số: 11/2017/HC-PT
Ngày 26-12-2017
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Thành Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phích

Ông Hoàng Ngọc Thụ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2017/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc "khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1101/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Khắc T (tên gọi khác Trần Văn T), sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị Lạng, sinh năm 1948;

Cùng địa chỉ: HĐ 4, phường ĐH 2, quận H, thành phố Hải Phòng; Ông T có mặt, bà Lạng vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Lạng: Ông Trần Khắc T, sinh năm 1942, địa chỉ: HĐ 4, phường ĐH 2, quận H, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 10/01/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Thuộm – Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Công Hân – Phó Chủ tịch UBND quận H. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.
2. Dòng họ Trần, địa chỉ: Tổ dân phố HD 4, phường DH 2, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của Dòng họ Trần HD:

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1950, địa chỉ: HD 2, phường DH 2, quận H, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- Ông Trần Quốc T, sinh năm 1953, địa chỉ: HD 3, phường DH 2, quận H, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- Ông Trần Văn C, sinh năm 1957, địa chỉ: HD 3, phường DH 2, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

3. Bà Trần Thị X, sinh năm 1927, địa chỉ: Số 490, tổ dân phố số 3, Khu 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Trần Thị S, sinh năm 1938, địa chỉ: Ngõ 45 đường B, phường DH 1, quận H, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1934; anh Trần Minh K, sinh năm 1966; anh Trần Quang KH, sinh năm 1989; chị Trần Thị T, sinh năm 1993; chị Hoàng Thị H, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: tổ dân phố HD 4, phường DH 2, quận H, thành phố Hải Phòng; Đều vắng mặt.

6. Anh Trần Quang C, sinh năm 1971; chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Số 6 tổ dân phố HD 4, phường DH 2, quận H, thành phố Hải Phòng; Anh C có mặt. chị Mai vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Anh Trần Gia N, sinh năm 1961, địa chỉ: Số 9, HD 4, phường DH 2, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Trần Khắc T, bà Nguyễn Thị Lạng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án hành chính sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

- Người khởi kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày: Cụ Trần Quang H và cụ Trịnh Thị V có diện tích đất thổ cư khoảng 2000m² tại khu HD 4, phường DH 2, quận H, thành phố Hải Phòng và tài sản trên đất là căn nhà thờ 03 gian và công trình phụ. Cụ H và cụ V có 04 người con là bà Trần Thị X, ông Trần Quang B, bà Trần Thị S và ông Trần Khắc T. Năm 1972 cụ H chết, để lại toàn bộ đất ở và tài sản trên đất cho cụ V và gia đình ông T

tiếp tục quản lý, sử dụng. Đến năm 1986 gia đình cụ V làm thủ tục đăng ký ruộng đất và được UBND huyện A đồng ý và tách diện tích đất làm 02 thửa. Thửa thứ nhất cấp cho cụ V được đăng ký sử dụng 1.280m² đất thửa 917, tờ bản đồ số 04 tại xã ĐH, huyện H theo Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất số 1992...GCN/QĐ ngày 06/9/1986. Thửa thứ 2 cấp cho ông T diện tích 720m² thửa đất số 918, tờ bản đồ số 04 tại xã ĐH, huyện H theo Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất số 1993...GCN/QĐ ngày 06/9/1986.

Năm 1993 ông B có tranh chấp đất đai với dòng họ Trần và khởi kiện ông Trần Văn Trà (trưởng dòng họ Trần) và ông T đối với diện tích đất 1.280m² đất cụ V được cấp. Năm 1997 cụ V mất. Đối với diện tích 720m² ông T được cấp, không có tranh chấp, gia đình ông T sử dụng ổn định đến nay. Ngoài diện tích đất này vợ chồng ông không có diện tích đất nào khác.

Ngày 17/6/2014 gia đình ông T làm đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 720m² đất gửi UBND quận H. Sau nhiều lần khiếu nại về việc vi phạm thời gian xem xét cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông T, ngày 17/10/2014 đại diện UBND phường ĐH 2 cùng cán bộ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận H có buổi làm việc với ông T xem xét cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông T. Tại buổi làm việc ông T mới được biết việc UBND quận H từ chối cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông với lý do diện tích đất này nằm trong diện tích 1.621m² đã được UBND huyện A (cũ) cấp GCNQSDĐ cho dòng họ Trần. Việc UBND quận H đánh đồng ông T biết nội dung bản án với việc biết quyết định hành chính và cho rằng hết thời hiệu khởi kiện là không đúng.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Hủy GCNQSDĐ số S 862271, sổ vào sổ cấp GCN 09067 do UBND huyện A cấp ngày 28/01/2002 cho Nhà thờ họ Trần diện tích 1.621m², tờ bản đồ 15, số thửa 474, tại xã ĐH, huyện A (nay là phường ĐH 2, quận H, thành phố Hải Phòng).

2. Cấp cho gia đình ông T GCNQSDĐ và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 720m² đất, thửa số 918, tờ bản đồ số 4, tại xã ĐH, huyện A (nay là tổ dân phố HĐ 4, phường ĐH 2, quận H, thành phố Hải Phòng) theo GCN đăng ký sử dụng ruộng đất số 1993GCN/QĐ ngày 06/9/1986 của UBND huyện A cấp cho ông Trần Khắc T.

- Người bị kiện là UBND quận H trình bày: Năm 1986 UBND huyện A cấp GCN đăng ký sử dụng ruộng đất cho cụ V và ông T như lời trình bày của người khởi kiện. Sau đó ông B khởi kiện dòng họ Trần và ông T, yêu cầu được thừa kế, sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất cấp cho cụ V, ông T và 02 ngôi nhà thờ họ Trần trên đất. Tại Bản án sơ thẩm số 02DS/ST ngày 24/01/2000 của TAND huyện A và Bản án phúc thẩm số 39/DSPT ngày 24/5/2000 của TAND thành phố Hải

Phòng xử bác yêu cầu khởi kiện của ông B, 02 ngôi nhà thờ họ Trần thuộc sở hữu chung của dòng họ Trần.

Theo hồ sơ quản lý đất đai được lưu trữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận H: Tại sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất năm 1996, bản đồ giải thửa phường ĐH 2, đăng ký chủ sử dụng là Nhà thờ họ Trần tại thửa 474, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.815m². Ngày 28/01/2002 UBND huyện A cấp GCNQSDĐ cho dòng họ Trần theo kết luận của Bản án phúc thẩm 39/DSPT. Về hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho dòng họ Trần, UBND quận H không quản lý nên không cung cấp được cho Tòa án.

Về yêu cầu khởi kiện hủy GCNQSDĐ cấp cho dòng họ Trần của người khởi kiện, căn cứ khoản 5, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, đất nhà ở họ Trần được cấp GCNQSDĐ trong trường hợp được sử dụng đất theo bản án. Về thời hiệu khởi kiện: Toàn bộ bản án các cấp khẳng định rõ quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng chung của Nhà thờ họ Trần, việc này gia đình ông T đã được biết nhưng ông T cho rằng đến năm 2014 mới biết và làm đơn khởi kiện là không có căn cứ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 104 LTTHC năm 2010 cũng như điểm a khoản 2 Điều 116 của LTTHC năm 2015 thì vụ án thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện, nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho gia đình ông T, bà Lạng. Sau khi TAND quận H xét xử, UBND quận H sẽ thực hiện theo quyết định của Tòa án.

- Người đại diện theo ủy quyền của dòng họ Trần trình bày:

Dòng họ Trần ở thôn HĐ, xã ĐH, huyện A (nay là quận H, Hải Phòng) có từ nhiều đời nay. Nhà thờ của họ được hình thành và xây dựng trên 200 năm, từ đời cụ Trần Công Thư. Hiện có 02 gian nhà thờ trên diện tích đất 1.815m² ở xóm 4, thôn HĐ. Đã qua nhiều đời, trong họ cứ người con trưởng thuộc ngành trưởng là được ở trên đất nhà thờ để trực tiếp quản lý, trông coi. Cụ Trần Quang H, vợ là cụ Trịnh Thị V là con trưởng thuộc ngành trưởng là người trực tiếp quản lý, trông coi nhà thờ. Năm 1971, cụ H mất. Năm 1984 ông T làm nhà ở riêng trên đất nhà thờ họ.

Năm 1986, cụ V và ông T tự ý kê khai, đăng ký sử dụng ruộng đất và được UBND huyện A cấp GCN đăng ký quyền sử dụng đất cho cụ V là 1.280m², ông T 720m². Việc đăng ký kê khai của cụ V và ông T tập thể dòng họ Trần không biết. Năm 1989 ông B về ở với cụ V. Sau đó, cụ V chuyển sang ở cùng nhà với ông T nằm trên diện tích đất này.

Năm 1993 ông B khởi kiện dòng họ Trần, ông T ra TAND huyện A đòi được hưởng thừa kế toàn bộ 02 ngôi nhà thờ cùng toàn bộ diện tích đất khoảng 2000m². Năm 2000 hai cấp Tòa án xét xử sơ thẩm, phúc thẩm đã bác yêu cầu khởi

kiện của ông B, xác nhận và giao toàn bộ diện tích đất 1.815m² trên có 02 gian nhà thờ là của dòng họ Trần việc giao cho ai quản lý, trông coi là do tập thể dòng họ quyết định. Ông T cũng đã có văn bản ghi xác nhận đất và 02 ngôi nhà thờ là của dòng họ Trần, quyền giao cho ai quản lý, trông coi là do dòng họ quyết định, nếu khi nào không cho ông và gia đình ông ở trên đất đó nữa thì ông và gia đình ông sẽ chuyển đi và không có ý kiến gì.

Cũng thời gian này, sau khi họp thống nhất, dòng họ Trần đã cắt cho hộ ông B sử dụng một phần diện tích 191m² đất phía cuối thửa đất. Trên thực tế hộ ông B sử dụng trên 300m², còn lại đất của dòng họ Trần là khoảng hơn 1.600m². Dòng họ Trần đã làm đơn đề nghị và được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ ngày 28/01/2002, đứng tên Nhà thờ họ Trần, với diện tích đất là 1.621m². Dòng họ Trần tiếp tục giao toàn bộ diện tích đất cùng nhà thờ cho cụ V và gia đình ông T quản lý, sử dụng, trông nom.

Năm 2010, dòng họ Trần sửa chữa tu bổ, xây dựng lại nhà thờ vì lâu ngày đã xuống cấp. Việc này đã được bàn bạc và thống nhất của toàn thể dòng họ cùng đóng góp xây dựng, trong đó có cả hộ ông T. Để đảm bảo tính trang nghiêm của nhà thờ, nên khi xây dựng lại, dòng họ quyết định xây toàn bộ tường bao quanh để ngăn cách nơi sinh hoạt của gia đình ông B và gia đình ông T như hiện nay. Ngoài ra đồng ý để gia đình ông T xây dựng ngôi nhà ống trên diện tích đất còn lại, ngoài tường bao nhà thờ, để làm nơi sinh hoạt chung của gia đình ông T.

Để tránh việc thắc mắc, khởi kiện, dòng họ Trần đã treo GCNQSDĐ tại tường của gia nhà thờ từ năm 2002 (khi được cấp) cho đến nay. Đồng thời vẫn để cho cụ V và gia đình ông T quản lý, sử dụng và trông coi nhà thờ họ.

Yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Lạng đã hết thời hiệu khởi kiện vì diện tích đất 720m² mà ông T cho rằng đã được cấp GCN đăng ký sử dụng ruộng đất năm 1986 là một phần diện tích đất nằm trong diện tích đất của nhà thờ họ Trần đã được cấp GCNQSDĐ năm 2002 nên khẳng định toàn bộ diện tích đất nói trên cùng ngôi nhà thờ cũng như một số công trình xây dựng khác không phải của gia đình ông T mà thuộc quyền sở hữu chung của dòng họ Trần, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của dòng họ Trần.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị X, bà Trần Thị H, anh Trần Gia N, anh Trần Minh K, anh Trần Quang C, chị Nguyễn Thị Thanh M: Thống nhất với lời khai của người khởi kiện về nguồn gốc diện tích đất khoảng 2000m² tại khu HĐ 4, phường ĐH 2, quận H, thành phố Hải Phòng là của cụ Trần Quang H và cụ Trịnh Thị V. Cụ H mất năm 1972, không để lại di chúc. Năm 1986, cụ V làm thủ tục đăng ký ruộng đất và tách diện tích đất trên làm 02 thửa: cụ V đăng ký sử dụng 01 thửa, ông T đăng ký sử dụng 01 thửa. Năm 1999, gia đình ông B, vợ là bà Trần Thị H về ở trên diện tích đất 200m² của cụ H, cụ V để lại. Năm 2005, ông B mất. Bà Hồng và các con Trần Gia N, Trần Minh K, các

cháu Trần Quang KH (vợ là Hoàng Thị H) và cháu Trần Thị T sinh sống trên diện tích đất đến nay. Năm 2010, gia đình anh Trần Quang C (con trai ông T), vợ là Nguyễn Thị Thanh M xây dựng căn nhà 02 tầng trên diện tích đất 60m² của cụ H, cụ V để lại. Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguồn gốc diện tích đất 1.621m² mà UBND huyện A đã cấp GCNQSDĐ cho dòng họ Trần, cùng toàn bộ tài sản trên đất là di sản của cụ Trần Quang H và cụ Trịnh Thị V để lại, là tài sản chung của các con cháu của hai cụ, chưa phân chia cho ai và tài sản này không phải là của dòng họ Trần. Các thành viên của họ Trần tự đăng ký kê khai tài sản và được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ cho Nhà thờ họ Trần là không đúng quy định của pháp luật. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn toàn nhất trí với nội dung và yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Lạng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện AD, bà Trần Thị S, anh Trần Quang KH, chị Trần Thị T, chị Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Với các nội dung như đã nêu trên, tại Bản án số 02/2017/HC-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân quận H đã quyết định:

“Căn cứ:

- Điều 27; khoản 1 Điều 29; Điều 53; điểm a khoản 2 Điều 104 của Luật Tổ tụng hành chính 2010;

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 79; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 1 Điều 168; khoản 3 Điều 191; Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính (2015);

- Điều 36 và Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001).

- Mục e điểm 2 khoản 3 Điều 1 của Nghị định 79/2011/NĐ-CP ngày 01/11/2001 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 23/9/1999 về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất.

- Khoản 4 Điều 1 của Nghị định 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai;

- Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. *Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khắc T và bà Nguyễn Thị Lạng về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 862271, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 09067 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 28/01/2002 cho Nhà thờ họ Trần đối với diện tích đất 1.621m² tờ bản đồ số 15, số thửa 474, tại xã ĐH, huyện A (nay là phường ĐH 2, quận H, Hải Phòng)."*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 28/9/2017 người khởi kiện là ông Trần Khắc T và bà Nguyễn Thị Lạng kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Ngày 02/10/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị X kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần Khắc T (Nguyễn Văn T) cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Thuộm thống nhất trình bày: Về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, căn cứ khoản 4 Điều 2 Nghị định 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ quy định UBND cấp huyện, quận thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư sử dụng đất có các công trình như: đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ hoặc các công trình khác phục vụ lợi ích công cộng của cộng đồng. UBND huyện A (cũ) cấp đất chuyên dùng cho nhà thờ họ Trần là trái với quy định nêu trên. Về trình tự, thủ tục, bản án sơ thẩm nhận định chưa có căn cứ đánh giá về tính hợp pháp về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ nhưng lại theo Bản án có hiệu lực trước đây để xác định việc UBND huyện A cấp GCNQSDĐ là không khách quan. Về nội dung, bản án sơ thẩm nhận định nguồn gốc đất chỉ căn cứ theo lời khai của các đương sự mà không căn cứ vào GCN đăng ký sử dụng ruộng đất mà ông T đứng tên chủ sử dụng. Đối với hành vi của UBND quận H không cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà Lạng, bản án sơ thẩm nhận định hành vi của UBND quận H không cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà Lạng không thuộc thẩm quyền của Tòa án mà thuộc UBND quận H là trái với Luật Đất đai 2013 và Luật Khiếu nại 2011 quy định về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ và vi phạm nghiêm trọng về trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo LTTHC 2015. Nguồn gốc diện tích đất 2000m² tại khu HĐ 4, phường ĐH, quận H, thành phố Hải Phòng trước đây là của bố mẹ ông T để lại. Sau năm 1957 cho chủ trương toàn dân kê khai sử dụng đất, ai đang ở trên đất thì làm đơn kê khai. Đến năm 1986, UBND huyện A đã cấp GCN đăng ký sử dụng ruộng đất, trong đó ông T đứng tên chủ sử dụng diện tích 720m² đất tại thửa số 918 tờ bản đồ số 04, tại xã ĐH, huyện H theo Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất số 1993...GCN/QĐ ngày 06/9/1986. Việc ông T trình bày là đất của dòng họ

Trần trong vụ án do ông B khởi kiện trước đây là để giữ lại đất, tránh trường hợp ông B bán đất đuổi mẹ con ông T đi. Hai Bản án của TAND huyện A và bản án của TAND thành phố Hải Phòng trước đây ông không được nhận. Bản án sơ thẩm cũng nhận định yêu cầu tuyên buộc UBND quận H ban hành cấp GCNQSDĐ cho ông T là trái với Điều 101 Luật Đất đai, Điều 61 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 28, 33 Luật Khiếu nại. Vì vậy, đề nghị HĐXX tuyên hủy bản án hành chính sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

- Anh Trần Quang C trình bày: Anh nhất trí với phần trình bày của ông T.

- Ông Trần Văn H, ông Trần Quốc T, ông Trần Văn C thống nhất trình bày: Diện tích đất của nhà thờ có từ đời cụ Trần Công Thụ đến nay là hơn 200 năm. Qua thời gian tu tạo, đến năm 2010 đã được sự nhất trí của toàn bộ thành viên trong gia tộc, trong đó cũng có bản thân ông T cùng đóng góp xây dựng từ đường làm nơi thờ cúng. Mọi công việc của nhà thờ đều được công khai, niêm yết và nhất trí của dòng họ thông qua. Đến khi nhà thờ được cấp GCNQSDĐ đã được treo tại nhà thờ để mọi thành viên được nắm rõ. Việc cụ V, ông T được cấp Giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất là do tự ý kê khai, mọi người trong dòng họ không biết. Theo quy định của pháp luật, mỗi nhân khẩu chỉ được kê khai bao nhiêu m², không thể có việc ông T được đăng ký sử dụng 720m² là vô lý. Đề nghị HDDXX giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng trình bày:

+ Về Tố tụng:

Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự có mặt từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay đều đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung:

Xét nguồn gốc đất, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 39/DSPT ngày 24/5/2000 của TAND thành phố Hải Phòng có khẳng định “Diện tích đất 1815m² tại thôn HĐ thuộc xã ĐH, huyện A, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc trước đây là của dòng họ Trần. Ngày 06/9/1986 UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị V sử dụng 1280m². Ông Trần Văn T sử dụng 720m² từ đó cho đến nay các bên chưa có ai được cấp GCNQSDĐ”. Như vậy có thể khẳng định nguồn gốc đất này là của dòng họ Trần.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa ông B và dòng họ Trần, ông T và bà X cũng có khai về việc “mảnh đất mà ông B đòi thừa kế là của dòng họ, không phải của bố mẹ ông bà là cụ H và cụ V”. Ông có ý kiến rằng

mảnh đất mà ông đòi cấp GCNQSDĐ với diện tích 720m² là do bố mẹ ông để lại, là di sản thừa kế. Tuy nhiên ông T không đưa ra được tài liệu để chứng minh đất của bố mẹ ông để lại có nguồn gốc từ đâu.

Về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ: UBND huyện A cấp GCNQSDĐ cho dòng họ Trần là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993, khoản 4 Điều 1 Nghị định 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ. Xét trong GCNQSDĐ có ghi là đất chuyên dùng – đất này được cộng đồng dân cư là dòng họ Trần sử dụng nhà thờ họ trên đó, không phải theo như đơn kháng cáo của ông T, bà X.

Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ: Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho dòng họ Trần bị thất lạc. Tại sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất năm 1996, đăng ký chủ sử dụng là Nhà thờ họ Trần tại thửa 474, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.815m². và như phân trích trên nguồn gốc đất là của dòng họ Trần, bản án sơ thẩm cũng nhận định để đảm bảo tính ổn định trong việc sử dụng đất và ổn định trật tự địa phương nên không chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho dòng họ Trần là có cơ sở.

Về yêu cầu khởi kiện đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông T không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm không xét yêu cầu này là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 LTTHC 2015 đề nghị HĐXX bác kháng cáo của ông T, bà Lạng, bà X; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về đối tượng khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và trong toàn bộ quá trình tại cấp sơ thẩm, người khởi kiện có 02 yêu cầu:

1. Hủy GCNQSDĐ số S 862271, sổ vào sổ cấp GCN 09067 do UBND huyện A cấp ngày 28/01/2002 cho Nhà thờ họ Trần diện tích 1.621m², tờ bản đồ 15, số thửa 474, tại xã ĐH, huyện A (nay là phường ĐH 2, quận H, thành phố Hải Phòng).

2. Cấp cho gia đình ông T GCNQSDĐ và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 720m² đất, thửa số 918, tờ bản đồ số 4, tại xã ĐH, huyện A (nay là tổ dân phố HD 4, phường ĐH 2, quận H, thành phố Hải Phòng) theo GCN đăng ký sử dụng ruộng đất số 1993GCN/QĐ ngày 06/9/1986 của UBND huyện A cấp cho ông Trần Khắc T.

Căn cứ theo Điều 30 LTTHC, đối với yêu cầu khởi kiện thứ nhất là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện thứ hai là yêu cầu liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành

chính cấp GCNQSDĐ thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan hành chính. Ông T cũng không có yêu cầu xem xét hành vi hành chính từ chối cấp GCNQSDĐ của UBND quận H. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện thứ hai là đúng quy định pháp luật.

- Về thời hiệu khởi kiện: UBND quận H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người đại diện theo ủy quyền của dòng họ Trần đều cho rằng yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Lạng đều đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên không có căn cứ rõ ràng thể hiện ông T, bà Lạng biết về việc UBND huyện A cấp GCNQSDĐ cho dòng họ Trần. Tại bản án sơ thẩm của TAND huyện A và bản án phúc thẩm năm 2000 của TAND thành phố Hải Phòng trong vụ án do ông B khởi kiện dòng họ Trần và ông T yêu cầu chia di sản thừa kế là 02 gian nhà thờ cũng chỉ giải quyết tài sản là 02 gian nhà thờ mà không giải quyết đối với quyền sử dụng đất. Do đó, xác định thời điểm ông T, bà Lạng biết về việc dòng họ Trần được cấp GCNQSDĐ là vào năm 2014 và đến ngày 30/12/2014 ông T, bà Lạng có đơn khởi kiện vụ án hành chính là vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

Theo Đơn kháng cáo của ông T, bà Lạng, bà X kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, xét thấy:

- Về thẩm quyền ban hành: GCNQSDĐ số S 862271, sổ vào sổ cấp GCN 09067 do UBND huyện A cấp ngày 28/01/2002 cho dòng họ Trần với diện tích 1.621m². Thời điểm UBND huyện A cấp GCNQSDĐ số S 862271 nêu trên thì Luật Đất đai năm 1993 đang có hiệu lực thi hành. Căn cứ khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993 và khoản 4 Điều 1 của Nghị định 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, UBND huyện A cấp GCNQSDĐ cho dòng họ Trần là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục ban hành: Do quá trình bàn giao khi chia tách huyện A thành quận H và huyện AD nên hồ sơ bị thất lạc. UBND quận H và UBND huyện AD đều không cung cấp được hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho dòng họ Trần nên chưa có căn cứ đánh giá về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ của UBND huyện A cho dòng họ Trần.

- Về nội dung ban hành:

+ Theo hồ sơ sổ sách lưu giữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận H: Tại sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất năm 1996, bản đồ giải thửa phường ĐH 2, đăng ký chủ sử dụng là Nhà thờ họ Trần tại thửa 474, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.815m².

+ Theo Bản án sơ thẩm số 02/DSST ngày 24/01/2000 của TAND huyện A và Bản án phúc thẩm số 39/DSPT ngày 24/5/2000 của TAND thành phố Hải Phòng đều nhận định mặc dù ông T, cụ V được UBND huyện A cấp GCN đăng ký sử dụng ruộng đất nhưng toàn bộ diện tích 1.621m² đất thuộc quyền sử dụng của dòng họ Trần.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 3 của Nghị định 79/2001/NĐ-CP ngày 01/11/2001 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 23/9/1999 về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất quy định về một trong các giấy tờ người sử dụng đất thực hiện thủ tục để được cấp GCNQSDĐ trong đó có Bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Trong toàn bộ hồ sơ vụ án dân sự giải quyết tranh chấp giữa ông B, ông Trà và ông T thì ông T, bà S, bà X đều thống nhất toàn bộ 02 ngôi nhà thờ trên diện tích 1.815m² đất là tài sản của tập thể dòng họ Trần, không phải là di sản của bố mẹ ông T để lại. Ông T không có yêu cầu gì về nhà, đất, nhà thờ. Tập thể dòng họ quyết định như thế nào thì ông T chấp nhận.

+ Năm 2010 dòng họ Trần sửa chữa tu bổ, xây dựng lại nhà thờ vì lâu ngày đã xuống cấp. Khi xây dựng lại, toàn bộ nhà thờ đều được xây tường bao xung quanh để ngăn cách nơi sinh hoạt của gia đình ông B và gia đình ông T. Khi đó ông T cũng không có ý kiến gì.

+ Đến nay ông T, bà Lạng, bà X cũng chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào khác.

Từ những phân tích trên, bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Lạng là đúng quy định pháp luật. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ngoài yêu cầu kháng cáo bản án ban đầu của ông T, bà Lạng, bà X, còn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 241 LTTHC bác kháng cáo của ông T, bà Lạng, bà X; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ theo quy định pháp luật thì người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính 2015,

Bác kháng cáo của ông Trần Khắc T (Trần Văn T), bà Nguyễn Thị Lạng, bà Trần Thị X.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng:

Căn cứ:

- Điều 27; khoản 1 Điều 29; Điều 53; điểm a khoản 2 Điều 104 của Luật Tổ tụng hành chính 2010;

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 79; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 1 Điều 168; khoản 3 Điều 191; Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính (2015);

- Điều 36 và Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001).

- Mục e điểm 2 khoản 3 Điều 1 của Nghị định 79/2011/NĐ-CP ngày 01/11/2001 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 23/9/1999 về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất.

- Khoản 4 Điều 1 của Nghị định 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai;

- Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khắc T và bà Nguyễn Thị Lạng về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 862271, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 09067 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 28/01/2002 cho Nhà thờ họ Trần đối với diện tích đất 1.621m² tờ bản đồ số 15, sổ thửa 474, tại xã ĐH, huyện A (nay là phường ĐH 2, quận H, Hải Phòng).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Trần Khắc T (Trần Văn T) và bà Nguyễn Thị Lạng mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Ông T và bà Lạng đã nộp đủ án phí, theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005547 và số 0005548 ngày 10/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng.

3. Về án hành chính phúc thẩm:

Ông Trần Khắc T (Trần Văn T), bà Nguyễn Thị Lạng, bà Trần Thị X mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông T, bà Lạng, bà X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006593, 0006594 ngày

02/10/2017 và biên lai số 0006626 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng. Ông T, bà Lạng, bà X đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng (cấp trên trực tiếp của người bị kiện);
- Chi cục THA quận H;
- TAND quận H;
- VKSND quận H;
- Đường sự;
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thành Ngọc